TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH** Bản án số: 161/2024/HNGĐ-ST Ngày: 03-5-2024 V/v: Ly hôn, nuôi con giữa Chị Trần Thuý H và Anh Trần Viết T	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chung; ông Đỗ Quang Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thúy H, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 137 đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 105/5/155 đường P, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Trần Viết T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số nhà 137 đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Chị H có mặt. Anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 25-01-2024 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Trần Thúy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Viết T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N vào ngày 06-02-2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Chị đã đưa con chuyển đi nơi khác sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ 4 đến 5 năm. Hiện tại chị nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên xin ly hôn với anh T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có hai con chung là Trần Viết M, sinh ngày 08-9-2002 và Trần Yến N, sinh ngày 10-11-2010. Cháu M đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu N đang ở cùng với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 01-02-2024 bị đơn - anh Trần Viết T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 06-02-2002 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N. Anh không muốn ly hôn vì các con còn nhỏ.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không có quan điểm.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không có quan điểm.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01-02-2024 cháu Trần Yến N trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

4. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 29-01-2024 Chính quyền địa phương nơi chị H và anh T cư trú xác nhận: Vợ chồng chị Trần Thúy H và anh Trần Viết T cư trú tại số nhà 137 đường P, phường T, thành phố N. Vợ chồng có hai con chung là Trần Viết M, sinh năm 2002 và Trần Yến N, sinh năm 2010. Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn nhưng không báo tổ dân phố hòa giải. Chị H đã bỏ đi nơi khác sinh sống từ nhiều năm nay.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N căn cứ vào các Điều 21, 58, 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Trần Thúy H và anh Trần Viết T đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị H và anh T.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu Trần Yến N, sinh ngày 10-11-2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thúy H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Viết T đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thúy H và anh Trần Viết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N vào ngày 06-02-2002 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, anh chị lại không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng dẫn đến việc chị H đưa con đi nơi khác sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhiều năm. Quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, phía chị H vẫn giữ quan điểm đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn, vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử ly hôn giữa chị Trần Thúy H và anh Trần Viết T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T có hai con chung là Trần Viết M, sinh ngày 08-9-2002 và Trần Yến N, sinh ngày 10-11-2010. Cháu M đã đủ tuổi trưởng thành, chị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Cháu N đang ở cùng với chị H và có nguyện vọng được ở với mẹ, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Anh T không có quan điểm giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con khi Toà án giải quyết ly hôn. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Nhi cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết và anh T không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thúy H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thúy H và anh Trần Viết T.

2. Về nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con: Giao con Trần Yến N, sinh ngày 10-11-2010 cho chị Trần Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Viết T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Viết T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thúy H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001955 ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

4. Chị Trần Thúy H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Viết T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nguyên